

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm Trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính, quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-UBND, ngày 10/11/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc bổ sung và điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2017 để thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh;

Xét đề nghị của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Tờ trình số 2161/TTr-BCH ngày 15/12/2017 và thẩm định của Sở Tài chính tại Báo cáo số 273/BC-STC ngày 13 tháng 12 năm 2017 về kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Gói thầu Mua sắm Trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh, cụ thể như sau:

**1. Tên gói thầu:** Gói thầu Mua sắm Trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh.

**2. Đơn vị thực hiện:** Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông.

**3. Giá gói thầu mua sắm:** 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng).

Giá gói thầu trên là giá thiết bị mới 100% đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chi phí vận chuyển, bảo hành, lắp đặt và chuyên giao công nghệ (nếu có) đến Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông.

**4. Nguồn vốn:** Ngân sách nhà nước tại Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 10/11/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông.

**5. Hình thức lựa chọn nhà thầu:** Chào hàng cạnh tranh thông thường.

**6. Phương thức lựa chọn nhà thầu:** Một giai đoạn một túi hồ sơ.

**7. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu:** Quý IV/2017.

**8. Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

**9. Thời gian thực hiện hợp đồng:** 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**10. Danh mục Thiết bị chi tiết tại phụ lục kèm theo.**

**Điều 2.** Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (Bên mời thầu) có trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo số lượng, chủng loại, công năng, chất lượng thiết bị, hiệu quả sử dụng và tuân thủ các quy định hiện hành.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định; hướng dẫn, tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu được giao tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Công TTĐT, CNXD (Tr).



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Bốn**



**Phụ lục: Danh mục thiết bị**  
**Gói thầu: Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh**  
*(Kèm theo Quyết định số 2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
01	<p><b>Máy nội soi tai mũi họng</b>  <b><u>Cấu hình sản phẩm</u></b>            Thân máy chính: 01 chiếc            CCD Camera cùng bộ chuyên đổi: 01 chiếc            Camera cùng cáp dẫn: 01 chiếc            Ống soi (6Ø x 70<sup>0</sup> x 185mm): 01 chiếc            Màn hình LCD 17": 01 chiếc            Khung đỡ màn hình: 01 chiếc            Xe đẩy: 01 chiếc            Giá đỡ Camera: 01 chiếc            Đèn Halogen (15V/150W): 01 chiếc            Bàn đạp chụp hình: 01 chiếc</p> <p><b><u>Thông số kỹ thuật</u></b>            Nguồn điện: 220VAC,50Hz            Công suất tiêu thụ: 200W (+/-5%)            Kích thước máy chính: 270mm(Rộng ) x 330mm (Dài) x 160mm (cao) (+/-5%)            Khối lượng máy chính: 8kg (+/-5%)            Lỗ dẫn sáng: 1 Hole            Đèn Halogen: 150W            Bảng dừng hình: ½/4 capture, mode, view            Bộ nhớ: 4 Khung hình            Độ phân giải Camera: 410,000 pixel            Cân bằng trắng: tự động            Bộ chuyên đổi camera CCD: 23mm            Cáp dẫn sáng và cáp camera: 2m            Có thể chọn chức năng Bật/Tắt đèn, và khi tắt có thể tăng tuổi thọ của đèn halogen.            Có thể thay thế đèn halogen dễ dàng. Tháo lắp đèn đều có thể thực hiện dễ dàng bằng tay.            Thiết kế tinh tế cung cấp điều kiện điều trị tối ưu.</p>	Bộ	01
02	<p><b>Máy đo khúc xạ tự động</b>  <b><u>Cấu hình sản phẩm</u></b>            Thiết bị sử dụng công nghệ đo lăng kính xoay (Rotary Prism</p>	Bộ	01

TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	<p>Technology) dùng để đo kiểm tra tật khúc xạ tự động            Kích thước màn hình LCD <math>\geq 8.5</math> inch            Khóa an toàn: chỉ cần gạt một lần đơn gian máy sẽ được bảo vệ            Tích hợp sẵn máy in nhiệt bên trong máy            Khả năng kết nối đa dạng: RS-232C/LAN (cổng ra), USB (cổng vào)  <u><b>Thông số kỹ thuật</b></u>            Phạm vi đo (S): -25D đến + 22D, mỗi bậc 0.12/0.25D            Phạm vi trụ (C): 0 đến +/- 10D, mỗi bậc 0.12/0.25D            Góc trục (A): 0o – 180o, mỗi bậc 1° hoặc 5°            Đồng tử nhỏ nhất có thể đo được: <math>\leq 2.0</math> mm            Khoảng cách đo đường kính đồng tử (PD range): 20-85mm với mỗi bậc 1mm</p>		
03	<p><b>Monito theo dõi cấp cứu</b>  <u><b>Cấu hình sản phẩm</b></u>            Máy chính màn hình cảm ứng TFT LCD màu 10.4 inch , hiển thị 4 dạng sóng, theo dõi 5 thông số : ECG , nhịp tim , nhịp thở , huyết áp không xâm nhập , SpO2 ,nhiệt độ , có máy in . Vận hành bằng pin hay điện .            Bao gồm các chi tiết:            - Máy chính            - 01 Cáp điện tim            - 01 dây ECG 3 chuyển đạo            - 01 Dây nối SpO2            - 01 Pin sạc            - 01 Ống đo huyết áp            - 01 Túi hơi huyết áp người lớn            - 01 Túi hơi huyết áp nhi            - 01 Dây nguồn , L936            - 01 Đầu dò SpO 2 , P225F            - 01 Máy ghi nhiệt WS-201P            - 01 Đầu dò nhiệt độ P242D  <u><b>Thông số kỹ thuật:</b></u>  <u><b>1.Thông số đo:</b></u>            Điện tim.            Nhịp thở (trở kháng).            SpO2.            Huyết áp không xâm lấn (NIBP).            Nhiệt độ.</p>	Bộ	01



TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	<p><b><u>2. Màn hình:</u></b>  Màn hình màu TFT LCD, kích thước 10,4 inch  Kích thước 212,2 mm x 159,4 mm  Độ phân giải: 800 x 600 chấm  Số dạng sóng: 4  Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/s  Thời gian quét: 4.8s  Số màu trên màn hình: 12  Các dạng sóng được hiển thị trên màn hình: ECG (tối đa 2 sóng), nhịp thở, mạch, SpO2.  Các số liệu trên màn hình: nhịp tim, nhịp ngoại tâm thu, mức độ ST, nhịp thở, huyết áp không xâm nhập (tâm thu, tâm trương và trung bình), SpO2, mạch, nhiệt độ.</p> <p><b><u>3. Âm thanh:</u></b>  Loại âm thanh: báo động, đồng bộ, click.  Âm báo động: 4 loại (tiếng pip, bing bong, bong hoặc chuẩn IEC).  Âm đồng bộ: cường độ khác nhau đối với SpO2.</p> <p><b><u>4. Báo động:</u></b>  Khi vượt quá các giới hạn trên/dưới, ngưng thở, rối loạn nhịp, đầu nổi bị rơi, nhiều, điện cực bị rơi, đầu dò bị rơi, kiểm tra túi hơi, kiểm tra sensor, pin yếu.  Báo động 3 mức: nghiêm ngặt (màu đỏ), cảnh báo (màu vàng nhấp nháy), thông tin (màu vàng liên tục).  Chỉ thị báo động: bằng âm thanh, đèn báo và thông tin báo động nhấp nháy trên màn hình.  Có thể tắt âm thanh báo động: 1,2,3 phút hoặc tắt.  Âm lượng báo động trong khoảng 45 – 85 dB theo tiêu chuẩn của IEC</p> <p><b><u>5. Chức năng chỉ dẫn:</u></b>  Giao diện chỉ dẫn: có  Đối tượng: điện tim, SpO2 và huyết áp.  Phím chỉ dẫn khi có báo động về kỹ thuật: xuất hiện khi có báo động.</p> <p><b><u>6. Bảng trend:</u></b>  Số đối tượng: 12  Các thông số theo dõi: Nhịp tim, nhịp mạch, VPC, nhịp thở, ST-I, ST-II, ST-III, ST-aVR, ST-aVL, ST-aVF, ST-V1, ST-V2, ST-V3, ST-V4, ST-V5, ST-V6, SpO2, nhiệt độ, không.</p>		

TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	<p>Dung lượng lưu trữ: 120 giờ Khoảng thời gian: 1, 5, 10, 15, 30, 60 phút.</p> <p><b><u>7. Bảng NIBP:</u></b> Số đối tượng: 12 (4 thông số NIBP cố định và 8 thông số lựa chọn). Các thông số NIBP cố định: tâm trương, tâm thu, trung bình và nhịp mạch. Các thông số theo dõi: Nhịp tim, nhịp mạch, VPC, nhịp thở, ST-I, ST-II, ST-III, ST-aVR, ST-aVL, ST-aVF, ST-V1, ST-V2, ST-V3, ST-V4, ST-V5, ST-V6, SpO2, nhiệt độ, không.</p> <p>Dung lượng lưu trữ: 120 giờ Khoảng thời gian: tùy thuộc vào khoảng thời gian đo NIBP.</p> <p><b><u>8. Diễn tiến dạng đồ thị (Trendgraph):</u></b> Dung lượng lưu trữ: 120 giờ Các thông số theo dõi: Nhịp tim, nhịp mạch, VPC, nhịp thở, SpO2, NIBP, PWTT, ST-I, ST-II, ST-III, ST-aVR, ST-aVL, ST-aVF, ST-V1, ST-V2, ST-V3, ST-V4, ST-V5, ST-V6, SpO2, nhiệt độ, không. Thời gian theo dõi: 1, 2, 4, 8, 24, 120 giờ.</p> <p><b><u>9. Chức năng xem lại các file rối loạn nhịp (Recall) :</u></b> Các rối loạn nhịp xem lại gồm: vô tâm thu, nhanh thất, rung thất, ngoại tâm thu RUN, COUPLET VPC, nhịp thất chậm, ngoại tâm thu đến sớm. Số lượng file xem lại: trong 120 giờ. Thời gian lưu trữ cho mỗi file rối loạn nhịp: 10 giây.</p> <p><b><u>10. Chức năng Full Disclosure (xem lại sóng ECG liên tục):</u></b> Thời gian lưu trữ: 120 giờ Dạng sóng lưu trữ: sóng ECG đầu Thời gian của sóng: 5, 10, 30, 60 giây</p> <p><b><u>11. Xem lịch sử báo động :</u></b> Khả năng lưu trữ: 120 giờ các dữ liệu báo động</p> <p><b><u>12. Thông số ECG:</u></b> Cấp đo: Loại 3-electrode: hiển thị I, II, III Bảo vệ chống lại máy phá rung tim: Bảo vệ đầu vào điện tim ECG một lần nữa với mức năng lượng xả 400J (phù hợp tiêu</p>		

TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	<p>chuẩn IEC60601-2-27:2005 17.101)</p> <p>Điện thế offset chấp nhận của điện cực: <math>\pm 500\text{mV}</math></p> <p>Dải động đầu vào: <math>\pm 10\text{ mV}</math></p> <p>Nhiều trong: <math>\leq 30\mu\text{Vp-p}</math></p> <p>Hệ số chống nhiễu đồng pha (CMRR): <math>\geq 95\text{dB}</math></p> <p>Điện trở đầu vào: <math>\geq 5\text{M}\Omega</math> (tại 10Hz), <math>\geq 2.5\text{M}\Omega</math> (0.67 – 40Hz)</p> <p>Dòng phân cực đầu vào: <math>\leq 100\text{nA}</math></p> <p>Phát hiện xung tạo nhịp: lựa chọn ON/OFF</p> <p>Có bộ lọc nhiễu ESU.</p> <p>Độ nhạy hiển thị: <math>10\text{mm}/\text{mV} \pm 5\%</math> với độ nhạy x1</p> <p>Điều khiển độ nhạy: x1/4, x1/2, x1, x2, x4 hoặc tự động.</p> <p>Phát hiện xung tạo nhịp: lựa chọn ON/OFF</p> <p>Khoảng thời gian cập nhật hiển thị nhịp tim: bình thường 3 giây, hoặc khi phát ra báo động</p> <p>Phương pháp đếm nhịp tim: Trung bình động/ tức thời nhịp-nhịp (có thể lựa chọn)</p> <p>Phạm vi giới hạn đếm nhịp tim: 0, 15 đến 300bpm (<math>\pm 2</math> nhịp/phút)</p> <p>Độ chính xác đếm: <math>\pm 2\text{ bpm}</math>.</p> <p>Báo động nhịp tim:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giới hạn trên: 20-300 nhịp/phút, thay đổi mỗi 5 nhịp / phút</li> <li>+ Giới hạn dưới: 15-295 nhịp / phút, thay đổi mỗi 5 nhịp / phút</li> <li>+ Báo động: nhịp tim nhanh, nhịp tim chậm.</li> </ul> <p>Phân tích rối loạn nhịp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phương pháp: kết nối đa mẫu</li> <li>+ Số kênh: 1</li> <li>+ Tầm đếm ngoại tâm thu: 0-99 nhịp NTT / phút</li> <li>+ Thông tin về rối loạn nhịp: vô tâm thu, nhanh thất, rung thất, ngoại tâm thu RUN, COUPLET, ngoại tâm thu đến sớm, BIGEMINY FREQ VPC, nhịp tim nhanh, nhịp chậm, NOISE.</li> <li>+ Ngưỡng báo động loạn nhịp: tắt, 1-99 nhịp NTT / phút</li> </ul> <p>Phân tích ST</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tầm đo: <math>\pm 2.5\text{mV}</math></li> <li>+ Số kênh đo : 1 kênh đối với 3 điện cực và 2 kênh đối với 6</li> </ul>		



TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	<p>điện cực.</p> <p>+ Ngưỡng báo động trên: -1.99 – 2.00mV, tắt.</p> <p>+ Ngưỡng báo động dưới: tắt, -2.00 – 1.99mV.</p> <p><b><u>13. Nhịp thở (phương pháp trở kháng):</u></b></p> <p>Phương pháp đo: trở kháng.</p> <p>Chuyên đạo đo: R-F hay R-L</p> <p>Phạm vi đo điện trở: 220Ω - 4KΩ.</p> <p>Nhiều trong: ≤ 0,2Ω</p> <p>Dòng kích thích: 35± 10μArms tại 40kHz</p> <p>Dải đếm: 0-150 nhịp/phút</p> <p>Độ chính xác: ± 2 nhịp/phút</p> <p>Bảo vệ chống máy phá rung tim: Bảo vệ đầu vào với năng lượng xả 400J</p> <p>Độ nhạy hiển thị: 10mm/Ω ± 25% (với độ nhạy x1)</p> <p>Điều khiển độ nhạy: x1/4, x1/2, x1, x2, x4</p> <p>ON/OFF đo: có</p> <p>Chu kỳ cập nhật hiển thị số liệu: Bình thường 3 giây, hoặc khi báo động phát ra</p> <p>Tốc độ quét: 1.56, 6.25, 12.5, 25 mm/s</p> <p>Dải giới hạn báo động:</p> <p>+ Giới hạn trên: 2-150 nhịp/ phút, 2nhịp/ phút mỗi bước, OFF</p> <p>+ Giới hạn dưới: OFF, 0-148 nhịp/phút, 2nhịp/ phút mỗi bước</p> <p>Dải đếm ngừng thở: OFF, 5 đến 40 giây</p> <p><b><u>14. Thông số SpO2:</u></b></p> <p>Giới hạn đo: 0~100% SpO2</p> <p>Dải đo xung mạch: 0, 30-300bpm</p> <p>Độ chính xác: ± 2 đơn vị SpO2 (80~100%); ± 3 đơn vị SpO2 (70~80%)</p> <p>Độ nhạy sóng hiển thị: x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4, x8 hoặc tự động.</p> <p>Giới hạn báo động:</p> <p>+ Giới hạn trên: 51~100% với 1% SpO2 mỗi bước, Off</p> <p>+ Giới hạn dưới: Off, 50~99 % với 1% SpO2 mỗi bước.</p> <p><b><u>15. Thông số huyết áp không xâm nhập (NIBP):</u></b></p>		



TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	<p>Phương pháp đo: Dao động ký</p> <p>Dải phạm vi hiển thị áp suất trong ống: 0 đến 300 mmHg</p> <p>Độ chính xác: 0 đến 300 mmHg: <math>\pm 3</math> mmHg</p> <p>Thời gian bơm: Người lớn/trẻ em <math>\leq 11</math> giây (700cc); Trẻ sơ sinh <math>\leq 5</math> giây (72cc).</p> <p>Áp suất trong ống lúc đầu: Người lớn 180mmHg; Trẻ sơ sinh 100mmHg.</p> <p>Giới hạn áp suất tối đa trong ống: Người lớn: 300-330mmHg; Trẻ sơ sinh: 150-165 mmHg</p> <p>Giới hạn thời gian bơm: Người lớn: 161-165 giây.</p> <p>Chế độ đo: Bằng tay, chu kỳ, PWTT, STAT, liên tục</p> <p>Âm thanh báo khi kết thúc đo: Phát ra khi kết thúc đo</p> <p>Chu kỳ cập nhật hiển thị: mỗi 3 giây hoặc khi có báo động</p> <p>Giới hạn báo động:</p> <p>+ Giới hạn trên: 15-260 mmHg, 5mmHg mỗi bước, OFF</p> <p>+ Giới hạn dưới: OFF, 10-255 mmHg, 5mmHg mỗi bước</p> <p><b><u>16. Thông số nhiệt độ:</u></b></p> <p>Giới hạn đo: 0~45° C</p> <p>Số kênh: 1</p> <p>Độ chính xác: <math>\pm 0,1^{\circ}\text{C}</math> (25°~45°) và <math>\pm 0,2^{\circ}\text{C}</math> (0~25° C)</p> <p>Mức trôi nhiệt: <math>\pm 0,005^{\circ}\text{C}/^{\circ}\text{C}</math></p> <p>Thời gian cập nhật: mỗi 3 giây hoặc khi có báo động</p> <p>Giới hạn báo động:</p> <p>+ Giới hạn trên: Từ 0,1~45° C với mỗi bước 0,1° C, OFF</p> <p>+ Giới hạn dưới: OFF hoặc 0~44,9° C mỗi bước 0,1° C</p> <p><b><u>17. Máy ghi nhiệt :</u></b></p> <p>Phương pháp in: Ma trận nhiệt</p> <p>Số kênh in: 3 kênh</p> <p>Độ rộng ghi: <math>\geq 46</math> mm</p> <p>Tốc độ giấy: 12.5, 25, 50 mm/s</p> <p>Độ phân giải:</p> <p>+ Biên độ ghi trực tiếp của dạng sóng: 8 dots/mm</p> <p>+ Kéo giấy trực tiếp: 40 dots/mm (<math>\leq 25</math> mm/s), 20 dots/mm (50</p>		



TT	Tên hàng hóa, đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	<p>mm/s).</p> <p><b>18. Nguồn cấp</b>  Điện áp nguồn: AC 100V đến 240V ±10% , DC (SB-201P): 9,6 V  Tần số: 50/60Hz ± 2%  Công suất tiêu thụ: AC 95 VA</p> <p><b>19. Pin sạc, SB-201P :</b>  Kiểu ắc quy: Nickel-metal hydride  Dải điện áp: 9,6V  Số lượng Pin: 1  Thời gian hoạt động: Xấp xỉ 3 giờ khi hoạt động trong điều kiện đặc biệt.  Thời gian nạp: gần 12 giờ</p> <p><b>21. Điều kiện môi trường:</b> phù hợp với điều kiện Việt Nam  Nhiệt độ hoạt động: 10°~40°C  Nhiệt độ khi cất giữ: -20° đến 65° C, -15 đến 55°C (Giấy ghi)  Độ ẩm hoạt động: 30~85% RH (không ngưng tụ)  Độ ẩm cất giữ: 10~90% RH  Áp suất khí quyển: 70-106 kPa</p>		
<b>Tổng cộng giá trị gói thầu mua sắm: 1.200.000.000</b> <b>(Một tỷ hai trăm triệu đồng chẵn)</b>			

(Giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển đến tại Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông, hướng dẫn sử dụng và bảo hành 12 tháng)./.